

Số: 404/ĐHBK-ĐTSDH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2022

Căn cứ QĐ số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Đại học Quốc gia Tp. HCM về việc ban hành "Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ" và quyết định số 1736/QĐ-ĐHQG ngày 29/12/2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tuyển sinh số 113/QĐ-ĐHQG;

Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh xin trân trọng thông báo kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2022 như sau:

1. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

1.1. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

1.2. Điều kiện văn bằng

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ thạc sĩ, người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10) ngành đúng, ngành gần, hoặc tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ tương đương trở lên phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các CSĐT, tổ chức khoa học và công nghệ.

- Có năng lực ngoại ngữ theo quy định tại Phụ lục 1.

1.3. Bài luận về hướng nghiên cứu

Trình bày về hướng nghiên cứu hoặc chủ đề nghiên cứu: tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan; lý do tại sao chọn hướng nghiên cứu; mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả nghiên cứu dự kiến; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của người dự tuyển trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu.

Bài luận được trình bày tối đa 10 trang trên khổ A4.

1.4. Cán bộ hướng dẫn

- Được tối thiểu 01 giảng viên của Trường ĐHBK đồng ý nhận hướng dẫn.

- Người hướng dẫn độc lập có chức danh phó giáo sư trở lên hay học vị tiến sĩ khoa học hoặc hai nhà khoa học có học vị tiến sĩ đồng hướng dẫn (danh sách cán bộ khoa học và hướng nghiên cứu được công bố tại website: <http://www.pgs.hcmut.edu.vn/gioi-thieu/doi-ngu-dao-tao>).

✍



2. HỒ SƠ DỰ TUYỂN, THỜI GIAN XÉT TUYỂN, LỆ PHÍ DỰ TUYỂN

2.1. Hồ sơ dự tuyển:

- Ứng viên đăng ký xét tuyển trình độ tiến sĩ trực tuyến tại Cổng thông tin đào tạo sau đại học của Trường theo địa chỉ:

http://grad.hcmut.edu.vn/hv/dang_ky_thi_sau_dai_hoc.php?type=cts

- Sau khi đăng ký xét tuyển trực tuyến, người dự tuyển nộp hồ sơ dự thi bao gồm 02 bộ (01 bộ chính và 01 bộ photo):
 - + 02 bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ.
 - + 02 bản sao bằng tốt nghiệp ĐH, 02 bản sao công chứng bằng điểm ĐH.
 - + 02 bản sao công chứng bằng Thạc sĩ, 02 bản sao công chứng bằng điểm Cao học.
Đối với ứng viên có văn bằng tốt nghiệp nước ngoài, phải có bản dịch thuật văn bằng và bằng điểm sang tiếng Việt và có văn bản công nhận của “Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục”.
 - + Phiếu đăng ký xét tuyển (in từ hệ thống), Lý lịch khoa học (in từ hệ thống, có đóng dấu xác nhận của địa phương hoặc cơ quan công tác), 04 ảnh (3 x 4).
 - + Phiếu khám sức khỏe (bản gốc hoặc photo công chứng).; Giấy chứng nhận thuộc đối tượng chính sách (nếu có).
 - + 06 bộ bài luận về hướng nghiên cứu.
 - + Minh chứng công trình, bài báo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu.
 - + Giấy cam kết thực hiện quy định học tập – nghiên cứu của nghiên cứu sinh (NCS).
 - + 02 Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.
 - + Giấy chấp thuận đào tạo NCS của cán bộ dự kiến hướng dẫn NCS; Bộ môn/ Phòng thí nghiệm đào tạo; Khoa quản lý ngành đào tạo.

2.2. Lệ phí xét tuyển: 2.000.000 đ/ hồ sơ.

2.3. Thời gian xét tuyển:

- Đợt 31/5/2022.
- Đợt 29/7/2022
- Đợt 31/10/2022.

F

3. HÌNH THỨC, THỜI GIAN ĐÀO TẠO, HỌC PHÍ

3.1. Hình thức đào tạo:

Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

3.2. Chương trình đào tạo:

Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ và 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

3.3. Học phí:

Nghiên cứu sinh sẽ đóng học phí theo học kỳ, mức thu là 25.000.000 đồng/ học kỳ. Nhà Trường sẽ có thông báo mức thu học phí cụ thể cho từng năm học, từng học kỳ.

4. QUY ĐỊNH KHÁC:

Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận đạt chuẩn đầu vào trình độ tiến sĩ được trình bày ở Phụ lục 1.

Danh mục ngành đào tạo trình độ tiến sĩ được trình bày tại Phụ lục 2.

Tiêu chí đánh giá xét tuyển trình độ tiến sĩ được trình bày tại Phụ lục 3.

Danh mục ngành đúng, ngành gần vui lòng tham khảo tại Cổng thông tin đào tạo sau đại học của Trường theo địa chỉ: <http://pgs.hcmut.edu.vn>.

*Để biết thêm chi tiết vui lòng xem thông báo tại địa chỉ:
Phòng Đào tạo SDH (P.115, nhà B3) Trường Đại học Bách Khoa
268 Lý Thường Kiệt, P. 14, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 028-38637318. Hotline: 0766 780 247
Email: sdh@hcmut.edu.vn. Website: <http://www.pgs.hcmut.edu.vn>*

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Thông tin trên Web;
- Ban Đào tạo, ĐHQG (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thiên Phúc

PHỤ LỤC 1
VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN TRÌNH ĐỘ B1 VÀ B2

(Kèm thông báo số: 404 /ĐHBK-ĐTSDH ngày 18 tháng 4 năm 2022)

(Cập nhật theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Quyết định số 1736/QĐ-ĐHQG ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Chứng chỉ hoặc chứng nhận được công nhân ngoại ngữ đầu vào trình độ thạc sĩ và tiến sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam.

Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào tối thiểu đạt bậc 3/6 (tương đương B1 theo CEFR) đối với trình độ thạc sĩ; đạt tối thiểu đạt bậc 4/6 (tương đương B2 theo CEFR) đối với trình độ tiến sĩ trong thời hạn 02 năm từ ngày tính từ ngày cấp chứng chỉ cho đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM cho phép/công nhận.

STT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Thang điểm tối thiểu	
			Bậc 3	Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30	46
2		IELTS	4.0	5.5
3		TOEIC	Nghe: 275; Đọc: 275; Nói: 120; Viết: 120.	Nghe: 400; Đọc: 385; Nói: 160; Viết: 150.
4		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm : 160
5		TOEFL ITP	450	Không áp dụng
		Chứng chỉ/Chứng nhận ngoại ngữ của các CSĐT được ĐHQG-HCM phê duyệt	Áp dụng	Không áp dụng
6		Chứng chỉ ngoại ngữ của CSĐT được Bộ GD&ĐT công nhận	Áp dụng	Không áp dụng
7	VNU-EPT	201	Không áp dụng	
8	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300 Văn bằng DALF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
9	Tiếng Đức	Goethe -Institut TestDaF	Goethe- Zertifikat B1 TestDaF Bậc 3	Goethe- Zertifikat B2
10	Tiếng Trung	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
11	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	JLPT N4	JLPT N3
12	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2
13	Tiếng Hàn	TOPIK	TOPIK Level 3	TOPIK Level 4

2. Các trường hợp khác

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam được miễn đánh giá năng lực ngoại ngữ khi có một trong những minh chứng sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh không qua phiên dịch được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu của một trong các chứng chỉ ngoại ngữ nêu trên. Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.



Phụ lục 2. DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Kèm thông báo số: 404 /ĐHBK-ĐTSDH ngày 18 tháng 4 năm 2022)

TT	Mã số	Tên ngành	Khoa quản lý ngành
1.	9340101	Quản Trị Kinh Doanh	Quản lý công nghiệp
2.	9420201	Công Nghệ Sinh Học	Kỹ thuật hóa học
3.	9440201	Địa chất học	Kỹ thuật Địa chất – Dầu khí
4.	9440214	Bản Đồ, Viễn Thám Và Hệ Thống Thông Tin Địa Lý	Kỹ thuật xây dựng
5.	9460112	Toán ứng dụng	Khoa học ứng dụng
6.	9480101	Khoa Học Máy Tính	Khoa học & Kỹ thuật máy tính
7.	9520101	Cơ Kỹ Thuật	Khoa học ứng dụng
8.	9520103	Kỹ Thuật Cơ Khí	Cơ khí
9.	9520115	Kỹ Thuật Nhiệt	Cơ khí
10.	9520116	Kỹ Thuật Cơ Khí Động Lực	Kỹ thuật giao thông
11.	9520201	Kỹ Thuật Điện	Điện – Điện tử
12.	9520203	Kỹ Thuật Điện Tử	Điện – Điện tử
13.	9520208	Kỹ Thuật Viễn Thông	Điện – Điện tử
14.	9520216	Kỹ Thuật Điều Khiển Và Tự Động Hóa	Điện – Điện tử
15.	9520301	Kỹ Thuật Hóa Học	Kỹ thuật hóa học
16.	9520305	Kỹ Thuật Hóa Dầu và Lọc dầu	Kỹ thuật hóa học
17.	9520309	Kỹ Thuật Vật Liệu	Công nghệ vật liệu
18.	9520320	Kỹ Thuật Môi Trường	Môi trường và Tài nguyên
19.	9520401	Vật Lý Kỹ Thuật	Khoa học ứng dụng
20.	9520501	Kỹ Thuật Địa Chất	Kỹ thuật Địa chất – Dầu khí
21.	9520503	Kỹ Thuật Trắc Địa - Bản Đồ	Kỹ thuật xây dựng
22.	9520604	Kỹ Thuật Dầu Khí	Kỹ thuật Địa chất – Dầu khí
23.	9540101	Công Nghệ Thực Phẩm	Kỹ thuật hóa học
24.	9580201	Kỹ Thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng
25.	9580202	Kỹ Thuật Xây Dựng Công Trình Thủy	Kỹ thuật xây dựng
26.	9580204	Kỹ Thuật Xây Dựng Công Trình Ngầm	Kỹ thuật xây dựng
27.	9580205	Kỹ Thuật Xây Dựng Công Trình Giao Thông	Kỹ thuật xây dựng
28.	9580211	Địa kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng

TT	Mã số	Tên ngành	Khoa quản lý ngành
29.	9580212	Kỹ Thuật Tài Nguyên Nước	Kỹ thuật xây dựng
30.	9580302	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng
31.	9850101	Quản Lý Tài Nguyên Và Môi Trường	Môi trường và Tài nguyên
32.	9540204	Công nghệ dệt, may	Cơ khí

Tổng cộng có 32 ngành đào tạo tiến sĩ./



Phụ lục 3. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Kèm thông báo số: 404 /ĐHBK-ĐTSDH ngày 18 tháng 4 năm 2022)

Tiểu ban chuyên môn xét tuyển trình độ tiến sĩ gồm 02 bước:

1. Tiểu ban chuyên môn xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển; đánh giá bài luận về dự định nghiên cứu của thí sinh; đánh giá năng lực học tập và nghiên cứu của thí sinh;
2. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn phỏng vấn trực tiếp thí sinh để đánh giá người dự tuyển về tư chất cần có của một nghiên cứu sinh; ý nghĩa khoa học, thực tiễn và tính khả thi của bài luận nghiên cứu, về ý kiến nhận xét đánh giá của hai thư giới thiệu, vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển có phù hợp với ngành đào tạo, ...

Điểm được đánh giá trên thang điểm 10 gồm những tiêu chí sau:

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ	1.0
2	Khả năng ngoại ngữ	0.5
3	Thành tích nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm chuyên môn	2.0
4	Nhận xét về năng lực chuyên môn của các nhà khoa học	0.5
5	Các tố chất cần có của nghiên cứu sinh (kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiên cứu, khả năng làm việc nhóm, khả năng sáng tạo, kỹ năng viết, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, mục đích nghiên cứu, tiềm năng phát triển, ...)	2.0
6	Bài luận về hướng nghiên cứu	4.0
	<i>6a. Nhận xét về nội dung bài luận (thực tiễn và tính khả thi của bài luận, vấn đề dự định nghiên cứu có phù hợp với ngành đào tạo, nhận xét đánh giá của thư giới thiệu, ...)</i>	2.0
	<i>6b. Trình độ chuyên môn của thí sinh thể hiện qua trình bày bài luận, trả lời câu hỏi và câu hỏi kiểm tra kiến thức ngành</i>	2.0

M